

**Diễn biến thị trường ngày 08.03.2017**

Diễn biến giằng co diễn ra tại VN-Index khi chỉ số giảm điểm mạnh ngay sau khi mở cửa khi lực chốt lời diễn ra mạnh mẽ tại nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn đã tăng tốt trong thời gian vừa qua như ROS, VJC, SAB. Diễn biến thị trường âm đạm diễn ra trong suốt phiên buổi sáng, trước khi bật tăng lại trong phiên buổi chiều nhờ sự phục hồi của nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng như nhờ việc duy trì điểm tăng tốt của nhóm trụ đỡ thị trường VNM và MSN. Kết phiên, VN-Index tăng nhẹ 0.06 điểm, đạt 716.60 điểm, thanh khoản đạt gần 3,670 tỷ đồng.

Trái ngược với diễn biến giằng co trên HOSE, HNX-Index có một phiên tăng điểm khá tốt trong suốt phiên giao dịch với sự dẫn dắt của ACB và NTP. Chỉ số kết phiên tại mức 87.53 điểm, tăng 0.96%, thanh khoản đạt hơn 667 tỷ đồng.

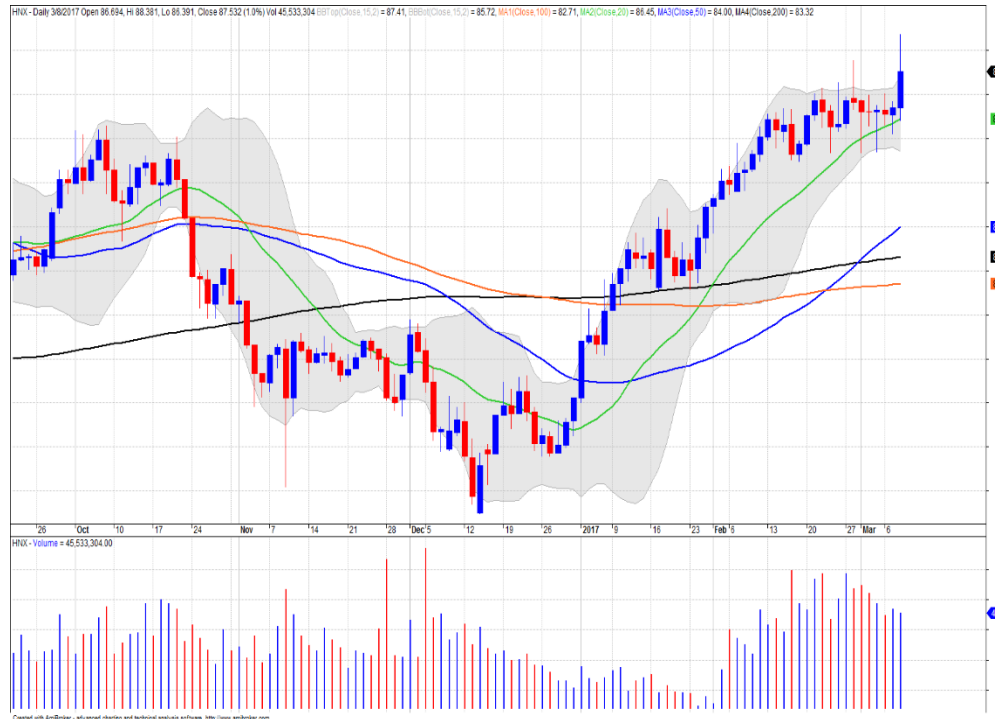
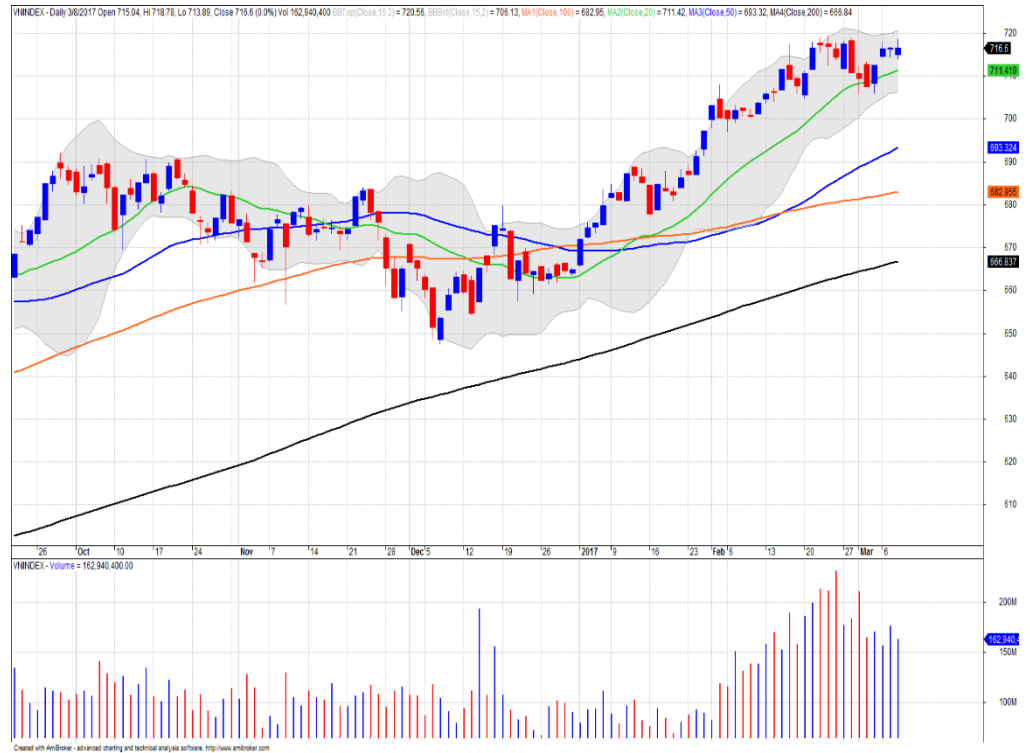
VNM (+0.5%) hôm nay tăng tốt trước thông tin về việc Bộ Công thương dự tính bỏ trần giá sữa dành cho trẻ dưới 6 tuổi trong dự thảo Thông tư về quản lý giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi. Việc bỏ trần giá sữa sẽ có tác động tích cực tới lợi nhuận của doanh nghiệp này khi giá sữa nguyên liệu đang có xu hướng tăng lên. Diễn biến đáng chú ý ở mã GMD (+4.0%) với thông tin công ty này sẽ bán hết phần sở hữu còn lại tại Gemadept Tower.

<b>Cập nhật thị trường</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>	
Chỉ số	716.60	87.53	Bên cạnh nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng tốt trong phiên hôm nay, một số nhóm cổ phiếu khác cũng có diễn biến tích cực như: nhóm cổ phiếu ngành ô tô (HAX +0.2%, PTB +1.5%, SVC +3.8%), dược phẩm (DCL +3.3%, DMC +5.2%, IMP +5.6%, riêng DHG -1.2% chịu áp lực chốt lời do đã tăng khá nhiều trong thời gian qua). 2 cổ phiếu cơ bản tốt nhưng giảm giá khá nhiều trong thời gian qua là DQC (+6.5%), LIX (+4.3%) hôm nay cũng có phiên giao dịch tích cực với thanh khoản tăng cao.
% thay đổi	0.01%	0.96%	
Tổng KLGD (triệu CP)	175.66	51.77	
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3,638.79	667.51	
KL Dư mua (triệu CP)	166.36	42.20	
KL Dư bán (triệu CP)	156.55	37.77	
<b>Giao dịch nước ngoài</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>	
KL NĐTNN mua (triệu CP)	7.68	1.09	Khối ngoại trong phiên hôm nay mua ròng mạnh MSN (giao dịch thuận trên 1.7 triệu cp, trị giá 71 tỷ đồng) và tiếp tục mua ròng VNM sau khi bán ròng nhẹ trong phiên hôm qua. Trước đó, khối ngoại đã có 8 phiên mua ròng liên tiếp VNM. Ở chiều ngược lại, VJC bị bán ròng mạnh hơn 450,000 đơn vị cổ phiếu sau khi đã tăng mạnh kể từ khi lên sàn.
KL bán (triệu CP)	8.63	0.64	
GT mua (tỷ đồng)	304.96	12.25	
GT bán (tỷ đồng)	304.47	6.83	
KL mua/bán ròng (triệu CP)	(0.96)	0.45	
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	0.49	5.42	
<b>Chỉ số thị trường</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>	
P/B	4.62	1.63	
P/E	16.80	11.15	
Beta	0.95	0.88	
ROE	20.8%	14.9%	
ROA	10.7%	6.1%	

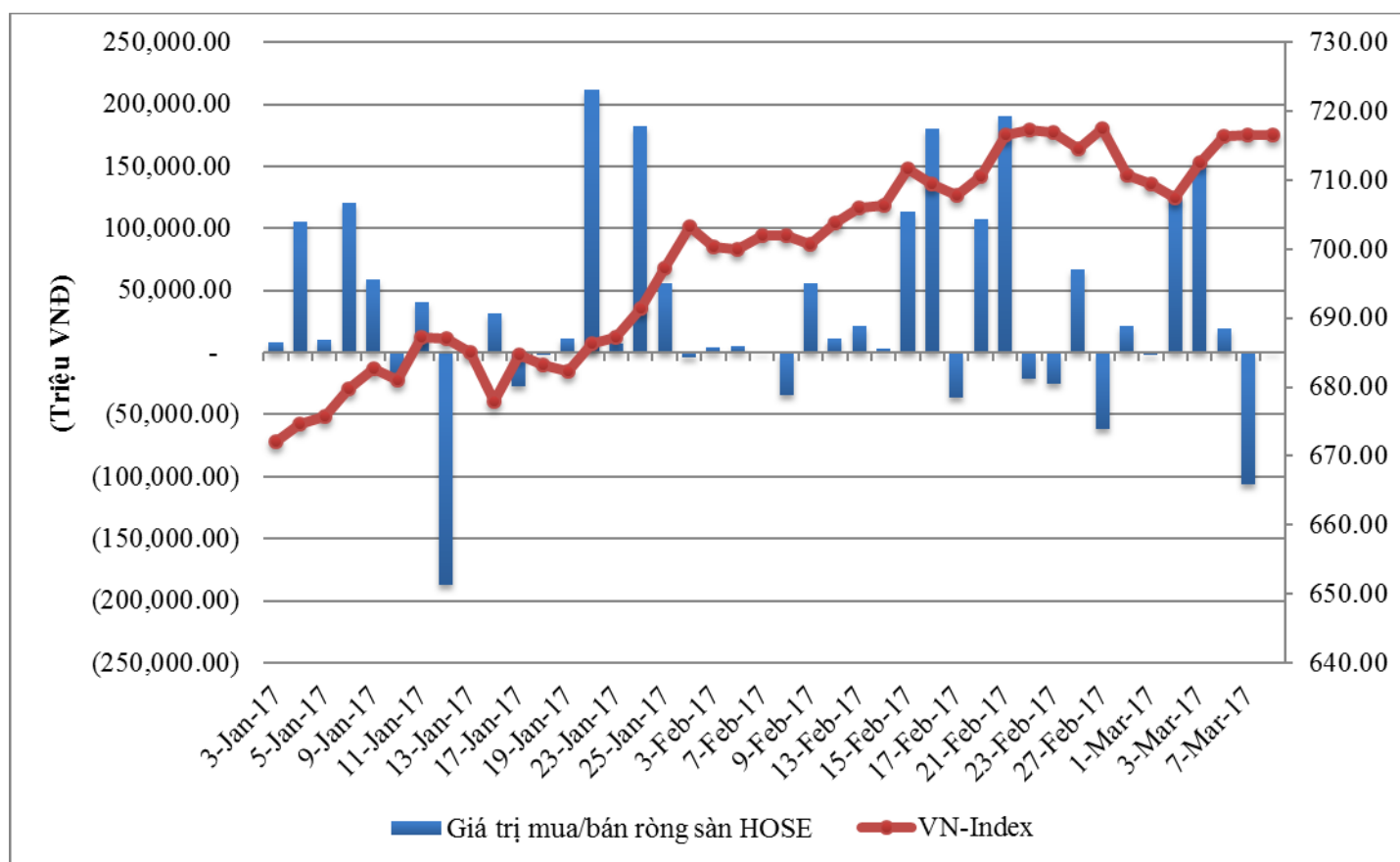
## Phân tích kỹ thuật

**VN-INDEX:** Một phiên phục nhẹ của VN-Index với thanh khoản tương đối. Áp lực chốt lời vẫn thể hiện khi bóng nến khá dài. Chỉ báo RSI tăng nhẹ với độ dốc thấp thể hiện tâm lý chưa dứt khoát của thị trường. Các chỉ báo chưa cho thấy khả năng trở lại xu hướng tăng của chỉ số, vì vậy chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ tiếp tục đi ngang trong ngắn hạn trước khi xác định xu hướng mới.

**HNX-INDEX:** Một phiên tăng tốt của HNX-Index cho thấy tâm lý phấn hơn trong phiên hôm nay. Chỉ số đóng cửa tại mức 87.53, vượt ra ngoài dải Bollinger band là tín hiệu tốt cho đà tăng của HNX-Index. Tuy nhiên, xu hướng tăng của HNX-Index vẫn chưa chắc chắn với thanh khoản trong phiên hôm nay thấp hơn so với các phiên trước đó.



## Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



## Điểm tin doanh nghiệp

- CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HOSE: PDR) thông báo Quyết định của HĐQT thông qua KQKD năm 2016, KHKD năm 2017. Theo đó, Công ty đặt mục tiêu doanh thu 2,000 tỷ đồng, LNST 336 tỷ đồng; lần lượt tăng trưởng 33.6% và 38.6% y/y. Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2016, Công ty sẽ thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu 10% và dự kiến năm 2017 trả cổ tức tối đa tỷ lệ 85% LNST. ([vietstock.vn](http://vietstock.vn))
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – PV Oil cho biết doanh nghiệp này đang đàm phán với các đối tác để bán 40% cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trong đợt cổ phần hóa sắp tới đây. Dự kiến sẽ có một danh sách 5 nhà đầu tư tiềm năng sẽ được trình lên Chính phủ phê duyệt trong tháng này. PV Oil kỳ vọng sẽ thu về 270 triệu USD từ việc bán cổ phần cho 1 hoặc 2 nhà đầu tư chiến lược. Đồng thời việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, PV Oil dự kiến sẽ tiến hành IPO trong nửa đầu năm 2017 thông qua chào bán công khai 15% cổ phần ra công chúng. Sau khi IPO, PV Oil sẽ niêm yết cổ phiếu tại sàn HoSE. ([cafef.vn](http://cafef.vn))

- HĐQT CTCP CNG Việt Nam (HOSE: CNG) đã phê duyệt kế hoạch năm 2017 với tổng doanh thu 981 tỷ đồng, LNST 81 tỷ đồng, cổ tức 15%. CNG đặt kế hoạch này được tính trên cơ sở giá dầu thế giới 50 USD/thùng, giá dầu trong nước 9,550 đồng/kg và tỷ giá 22,500 đồng/cp. Trong khi đó năm 2016, CNG đã thực hiện được 890 tỷ đồng doanh thu thuần và 112 tỷ đồng LNST. Như vậy CNG đặt kế hoạch doanh thu tăng nhưng lợi nhuận lại giảm 27% so với thực hiện 2016. (*vietstock.vn*)

## Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.02.2017

### HOSE

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HSX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ROS	167,000	-0.60%	4,485,740	742,035
2	FLC	8,180	3.68%	43,706,810	354,255
3	DXG	18,400	2.22%	7,032,590	127,779
4	HPG	41,250	0.12%	2,904,610	119,759
5	VJC	130,000	-1.89%	916,200	118,512
6	CII	36,600	2.09%	3,106,900	113,405
7	MSN	41,700	1.71%	2,742,490	113,069
8	GMD	36,800	3.95%	2,996,980	109,696
9	HBC	50,100	-2.53%	1,805,180	91,294
10	VNM	130,600	0.46%	699,360	90,920

### HNX

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ACB	23,300	3.56%	8,800,268	188,725
2	CVT	55,100	-6.29%	4,720,328	95,122
3	VCG	15,900	-0.63%	3,619,325	76,351
4	HUT	14,200	0.00%	3,025,548	35,779
5	SHB	5,100	0.00%	2,486,597	18,449
6	CEO	12,200	-1.61%	1,710,911	16,948
7	NDN	9,200	4.55%	1,634,919	15,681
8	VC3	38,900	4.29%	1,556,203	14,365
9	SHN	10,500	0.00%	1,534,301	12,919
10	PVS	17,900	0.56%	1,491,058	12,006

### Top tăng giá HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	TTF	8,240	6.87%	787,430	6,486
2	ELC	24,700	5.11%	238,660	5,721
3	IDI	4,400	5.01%	870,830	3,814
4	LIX	50,500	4.34%	209,180	10,333
5	GTN	22,950	4.32%	1,806,040	40,464
6	GMD	36,800	3.95%	2,996,980	109,696
7	SVC	54,500	3.81%	251,650	13,637
8	NLG	24,700	3.78%	640,310	15,746
9	FLC	8,180	3.68%	43,706,810	354,255
10	NVT	2,120	3.41%	218,610	467

### Top tăng giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	V21	14,700	9.70%	201,300	2,798
2	WSS	4,200	7.69%	497,600	1,878
3	HHG	10,500	5.00%	1,085,116	11,116
4	NDN	9,200	4.55%	1,710,911	15,681
5	TNG	14,400	4.35%	504,660	7,204
6	VC3	38,900	4.29%	378,200	14,365
7	DPS	2,900	3.57%	302,577	877
8	ACB	23,300	3.56%	8,800,268	188,725
9	TTB	7,400	2.78%	348,200	2,491
10	TIG	4,100	2.50%	489,040	1,990

### Top giảm giá sàn HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HCD	9,070	-6.97%	1,758,810	15,963
2	ATG	2,670	-6.32%	239,070	647
3	HAI	3,910	-4.40%	905,150	3,655
4	PHR	29,900	-3.39%	751,400	22,595
5	AAA	25,000	-3.29%	1,628,720	41,084
6	CDO	4,620	-2.94%	551,010	2,552
7	KSB	70,000	-2.78%	391,090	27,985
8	HQC	2,540	-2.68%	7,883,380	20,190
9	DHM	5,250	-2.60%	621,930	3,268
10	VHG	2,280	-2.56%	2,112,570	4,861

### Top giảm giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	CVT	55,100	-6.29%	1,634,919	95,122
2	SVN	3,100	-6.06%	1,556,203	4,904
3	ACM	1,900	-5.00%	1,400,300	2,609
4	DCS	2,500	-3.85%	1,534,301	3,839
5	HKB	5,000	-3.85%	1,491,058	7,444
6	KVC	2,700	-3.57%	1,156,569	3,120
7	SHS	6,500	-2.99%	526,900	3,470
8	CEO	12,200	-1.61%	1,388,810	16,948
9	TVC	12,900	-1.53%	362,300	4,707
10	TTH	7,200	-1.37%	214,079	1,561

## Thông kê giao dịch khối ngoại

### HOSE

Top mua ròng về giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	MSN	1,749,100	71,716,747	206,418,022	30.4%
2	VNM	189,060	24,741,252	672,629,319	53.7%
3	DPM	232,880	5,781,300	110,292,696	20.8%
4	HSG	96,520	4,575,076	39,456,587	28.9%
5	VHC	75,780	3,984,435	66,929,514	27.6%
6	PVD	167,390	3,627,379	80,922,475	27.9%
7	DMC	41,350	3,268,935	14,847,871	57.2%
8	NLG	121,450	2,989,127	2,138,578	47.5%
9	SSI	126,030	2,665,360	212,590,874	56.6%
10	TLH	148,080	2,102,736	36,838,099	5.5%

### HNX

Top mua ròng về giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	DBC	74,100	2,540,820	16,748,768	26.8%
2	PVS	106,100	1,903,260	93,992,857	28.0%
3	HUT	102,400	1,453,820	53,257,140	18.8%
4	NHP	142,000	623,990	13,456,880	0.2%
5	KVC	231,000	623,700	23,926,000	0.7%
6	TTB	86,000	622,010	18,900,082	0.2%
7	HHG	61,000	621,810	14,127,852	0.0%
8	MAC	69,500	616,670	6,804,726	1.8%
9	CVT	10,000	575,080	17,763,626	5.8%
10	DNP	10,700	259,160	13,789,428	3.0%

### Top bán ròng về giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VJC	(452,750)	(58,875,494)	13,149,113	25.6%
2	DXG	(827,190)	(15,217,194)	42,729,337	32.1%
3	VIC	(273,950)	(12,228,186)	500,058,629	10.0%
4	CTD	(46,650)	(9,156,288)	4,947,345	42.6%
5	AAA	(284,020)	(7,148,011)	8,378,586	17.3%
6	LIX	(103,980)	(5,120,091)	7,566,409	25.7%
7	GAS	(74,250)	(4,305,079)	886,140,142	2.7%
8	SCR	(497,020)	(4,162,631)	81,710,743	13.2%
9	KDC	(53,320)	(1,939,832)	76,699,090	19.1%
10	VCB	(47,460)	(1,763,263)	328,048,546	20.9%

### Top bán ròng về giá trị tại HNX

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	S55	(72,300)	(2,675,100)	2,105,928	6.8%
2	LAS	(62,800)	(847,800)	47,716,757	6.7%
3	DCS	(301,400)	(753,500)	28,524,715	1.7%
4	CAP	(10,000)	(330,210)	2,026,876	6.4%
5	NET	(10,000)	(315,670)	5,559,132	24.2%
6	BVS	(16,000)	(267,180)	15,779,257	27.2%
7	PMS	(8,000)	(228,020)	1,860,542	23.3%
8	HMH	(10,900)	(141,680)	4,719,220	13.3%
9	PVB	(11,500)	(130,990)	8,143,639	11.3%
10	PVX	(45,000)	(103,500)	186,160,312	2.5%

## Thông kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 Ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	17,629.35	1%	0.02%	1.45%	16.11	0.69	4%	2%	-8%	-6%
Nguyên vật liệu	148,051.32	7%	0.00%	1.60%	9.58	1.89	17%	9%	5%	15%
Công nghiệp	423,030.97	19%	-0.16%	7.83%	20.52	4.93	16%	7%	16%	22%
Hàng Tiêu dùng	594,157.22	26%	0.04%	-1.21%	19.00	6.88	30%	20%	16%	34%
Dược phẩm và Y tế	29,919.67	1%	-0.11%	2.47%	23.44	3.08	22%	14%	11%	40%
Dịch vụ Tiêu dùng	141,964.91	6%	1.12%	1.57%	18.00	5.11	36%	10%	23%	7%
Viễn thông	14,319.39	1%	1.39%	4.49%	14.01	4.31	30%	11%	14%	44%
Tiện ích Cộng đồng	164,099.98	7%	-0.32%	-2.05%	13.31	2.39	16%	11%	15%	24%
Tài chính	344,002.94	15%	-0.11%	5.92%	24.53	2.93	9%	3%	16%	32%
Ngân hàng	357,134.17	16%	0.72%	-1.23%	13.64	1.75	12%	1%	23%	52%
CNTT	27,598.12	1%	0.27%	3.10%	10.88	1.96	16%	7%	6%	20%

## TOP VỐN HOÁ SÀN HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6,464	20.20	1,451.42	43.16%	32.89%	189,554.84
2	SAB	SABECO	6,978	31.37	641.28	33.86%	21.92%	140,376.45
3	VCB	Vietcombank	1,897	19.87	3,597.77	14.50%	0.93%	135,635.88
4	VIC	VinGroup	591	75.28	2,637.71	3.78%	0.96%	117,378.00
5	GAS	PV Gas	3,704	15.61	1,913.35	16.90%	12.46%	110,591.52
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1,021	163.50	430.00	10.38%	6.60%	71,810.00
7	CTG	VIETINBANK	1,828	10.04	3,723.40	11.48%	0.79%	68,324.47
8	BID	BIDV	1,802	9.21	3,418.72	14.74%	0.66%	56,750.67
9	MSN	Tập đoàn Masan	2,472	16.87	1,138.26	11.77%	3.85%	47,465.53
10	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	1,980	29.89	680.47	9.94%	2.05%	40,283.91

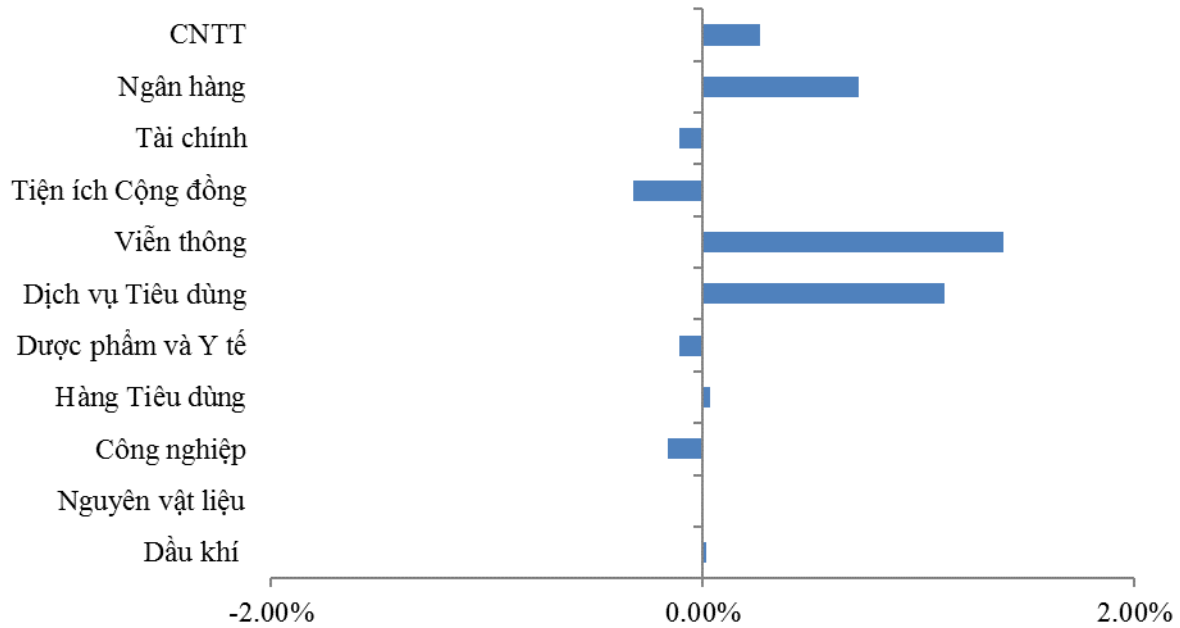
## TOP VỐN HOÁ SÀN HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1,344	17.33	985.90	9.87%	0.61%	22,971.50
2	VCS	VCS STONE	12,009	12.59	60.00	55.28%	22.09%	9,072.00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2,210	8.10	446.70	8.38%	3.80%	7,995.94
4	VCG	VINACONEX	1,078	14.75	441.71	6.44%	2.21%	7,023.20
5	SHB	SHB	921	5.54	1,119.19	7.66%	0.43%	5,707.88
6	NTP	Nhựa Tiền Phong	5,346	13.79	74.37	22.38%	11.90%	5,480.87
7	PVI	Bảo hiểm PVI	2,424	10.07	222.49	7.96%	3.36%	5,428.69
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1,411	11.48	326.96	11.35%	8.44%	5,296.75
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1,727	8.22	307.00	12.74%	3.95%	4,359.40
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1,829	12.41	131.08	8.87%	3.74%	2,975.42

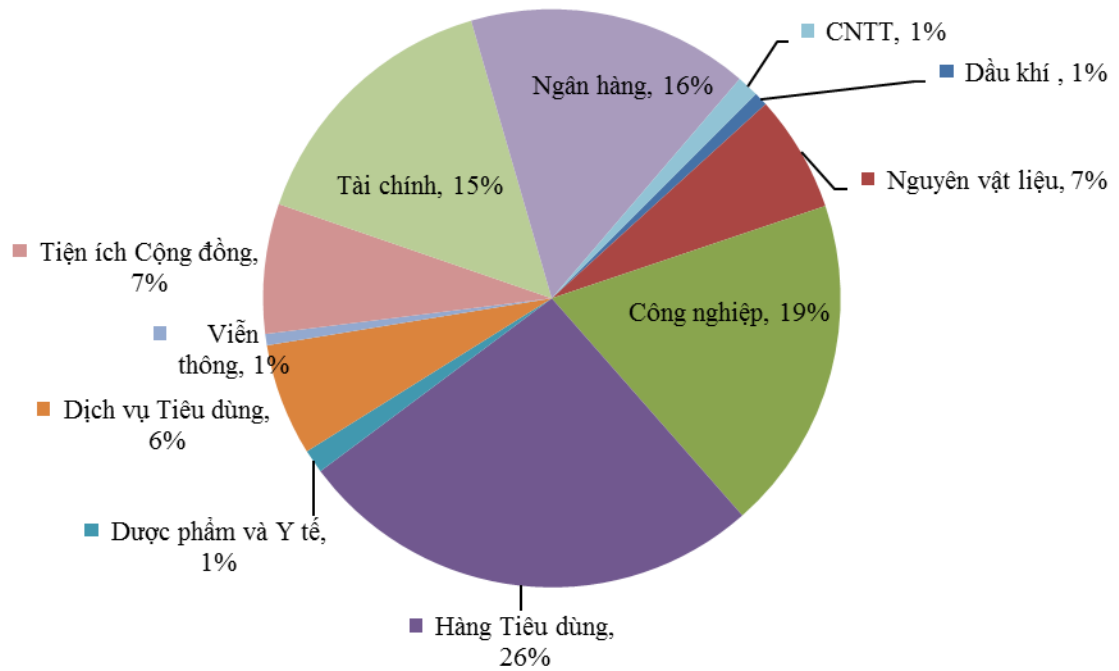
## TOP VỐN HOÁ SÀN UPCOM

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1,002	52.07	2,177.17	8.33%	3.86%	113,567.89
2	HVN	Vietnam Airlines	2,480	13.43	1,227.53	17.54%	2.69%	40,885.47
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5,165	13.52	538.16	21.66%	15.32%	37,568.96
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7,566	16.08	187.55	43.22%	24.93%	22,820.26
5	FOX	FPT Telecom	6,697	14.72	137.05	30.82%	11.12%	13,511.35
6	MSR	Tài Nguyên Masan	153	106.06	703.54	0.94%	0.41%	11,392.50
7	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	227.24	166.60	2.58%	2.56%	10,094.54
8	VIB	VIBBank	900	19.22	564.44	6.47%	0.59%	9,764.82
9	DTK	Vinacomin Power	21	656.35	680.00	0.23%	0.05%	9,520.00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-514	-157.71	107.30	-6.29%	-4.85%	8,691.22

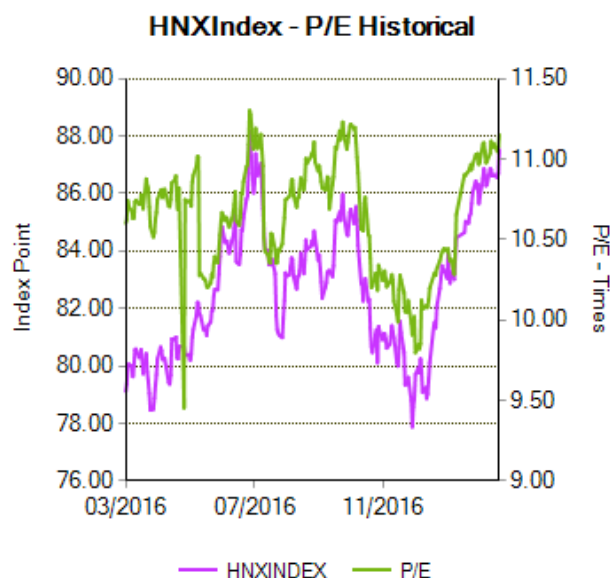
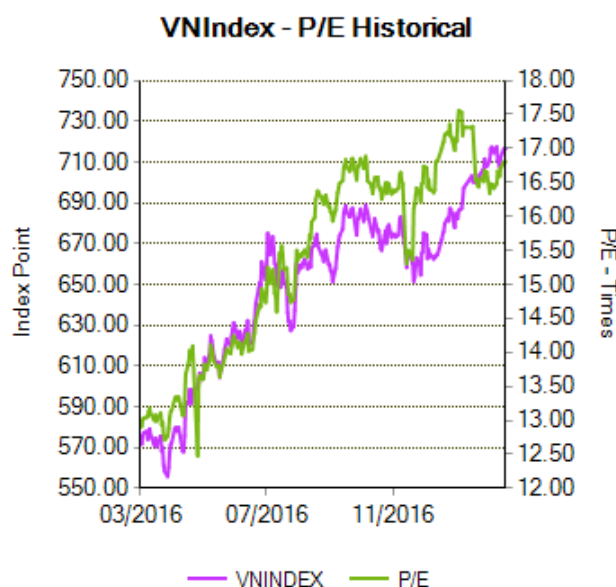
## Tăng/giảm theo ngành



## Tỷ trọng vốn hóa ngành







**MIỄN TRÁCH:** Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn